

Số: *285*/UBND-DTTS

V/v triển khai thực hiện Quyết định
số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày *29* tháng 3 năm 2018

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 4 năm 2018 (sau đây gọi là Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

Để triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg lồng ghép với các nội dung, nhiệm vụ của Đề án “Tăng cường vai trò của người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Lập danh sách người có uy tín

a) Bình chọn, phê duyệt danh sách người có uy tín

- Năm 2018 là năm đầu tiên thực hiện bình chọn, công nhận người có uy tín theo quy định của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg. Căn cứ danh sách người có uy tín hiện có và tiêu chí, đối tượng, điều kiện quy định tại Điều 4 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, các địa phương thực hiện rà soát, bình chọn, phê duyệt thống nhất một danh sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công bố thủ tục hành chính công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và **hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2018** gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp chung;

Đối với các tỉnh đã phê duyệt danh sách người có uy tín năm 2018 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10/01/2014 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính, tùy theo tình hình cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định không bình chọn (chỉ phê duyệt lại danh sách người có uy tín đã công nhận) hoặc bình chọn lại danh sách người có uy tín theo quy định tại Điều 6 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg.

- Định kỳ 5 năm một lần (kể từ năm 2018), tổ chức bình chọn, công nhận người có uy tín trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg.

b) Hằng năm (không phải năm theo định kỳ 5 năm), không phê duyệt lại danh sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh mà thực hiện rà soát, đưa ra khỏi danh sách người có uy tín đối với các trường hợp quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6; bình chọn, công nhận bổ sung người có uy tín đối với các trường hợp thực sự cần thiết

quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg (danh sách đưa ra, bổ sung, thay thế người có uy tín hàng năm tổng hợp gửi Ủy ban Dân tộc theo Biểu mẫu số 01 kèm theo Công văn này).

2. Thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín

a) Các địa phương tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10/01/2014 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính đối với người có uy tín trong danh sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đến trước ngày Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành.

b) Từ ngày 24/4/2018 (Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành), các chế độ chính sách đối với người có uy tín (theo danh sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) thực hiện theo quy định của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg.

- Căn cứ tình hình thực tế và nguồn ngân sách hằng năm được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí và giao Cơ quan công tác dân tộc tỉnh lựa chọn nội dung, hình thức cung cấp thông tin phù hợp đối với người có uy tín (các chế độ quy định tại điểm a, c và d Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg) để tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động: phổ biến, cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. Nội dung, mức chi các hoạt động thực hiện theo quy định hiện hành.

- Thực hiện cấp báo cho người có uy tín: Năm 2018 Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tiếp tục thực hiện đặt Báo Dân tộc và Phát triển (Ủy ban Dân tộc) qua Tòa soạn báo Dân tộc và Phát triển và báo địa phương (hoặc hình thức cung cấp thông tin khác phù hợp do địa phương lựa chọn) để cấp cho người có uy tín theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg;

- Các chế độ đón tiếp, thăm hỏi, thăm viếng (người có uy tín; bố, mẹ, vợ, chồng, con theo quy định của pháp luật), hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với người có uy tín, công tác quản lý, kiểm tra, triển khai thực hiện chính sách,... thực hiện theo quy định tương ứng tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 và điểm a Khoản 3 Điều 7 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 7 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và điều kiện cụ thể của địa phương có thể thực hiện các hình thức hỗ trợ khác tạo điều kiện cho người có uy tín thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

3. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn tài chính hiện hành;

- Căn cứ nguồn ngân sách hằng năm được giao, đề nghị các địa phương bố trí kinh phí thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg trong dự toán kinh phí hằng

năm của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các chế độ, chính sách và công tác quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh;

- Đối với các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách cân lập dự toán kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg trong kế hoạch ngân sách hằng năm của tỉnh gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc trước ngày 15 tháng 6 hằng năm đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí (theo cơ chế quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ) trong kế hoạch ngân sách năm sau của tỉnh để thực hiện các chính sách;

- Năm 2018, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung phần kinh phí tăng thêm so với Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (từ nguồn ngân sách địa phương hoặc từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương khó khăn để thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo cơ chế quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ) cho Cơ quan công tác dân tộc tỉnh và các cơ quan liên quan để thực hiện các chính sách: Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán, Tết của các dân tộc thiểu số; thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín bị ốm đau (điểm a và b Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

4. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, phân công và giao trách nhiệm cho các Sở, ban, ngành liên quan và các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tổ chức thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn tỉnh;

- Giao Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và tổ chức thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh;

- Định kỳ hằng năm (trước ngày 10 tháng 12) báo cáo kết quả, kinh phí thực hiện (tổng hợp số liệu thực hiện theo các Biểu mẫu 02, 03 và 04 kèm theo công văn này), đề xuất, kiến nghị và dự kiến kế hoạch thực hiện năm sau gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính (file mềm gửi qua Email: vudantochieuso@cema.gov.vn) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Ủy ban Dân tộc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh phối hợp thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Dân tộc thiểu số theo số điện thoại 024.37349892)./. *Zen*

Nơi nhận

- Như trên;
- Các Bộ: Tài chính, Công an, Quốc phòng;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND (để b/c);
- Các Thứ trưởng, PCN UBND;
- Cơ quan Công tác dân tộc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc UBND;
- Công TTĐT UBND;
- Lưu VT, DTTS (03b) *MS*

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM



Lê Sơn Hải

Biểu 01

(Kèm theo Công văn số 285/UBND-DTTS ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH....
BAN DÂN TỘC

TỔNG HỢP DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN ĐƯA RA, THAY THẾ, BỔ SUNG NĂM....

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA									DANH SÁCH NCUT THAY THẾ, BỔ SUNG								
TT	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Lý do đưa ra	Huyện/Xã	Giới tính/ Năm sinh			Dân tộc	Thành phần NCUT	Nơi cư trú	Thay thế/Bổ sung	Ghi chú
	Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					Họ tên NCUT	Nam	Nữ	Tổng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=3+4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13=11+12)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I Huyện																	
1 Xã																	
1	Giảng A...	1955					Bản...										
2	Hoàng Thị B		1956				Bản....										
2 Xã																	
1	Lù Văn C	1963					Thôn ...										
...									
II Huyện																	
1 Xã																	
1	Lò Thị T		1968				Thôn...										
2	Lý Đức T	1948					Bản...										
2 Xã																	
1	Bùi Thị P		1953				Thôn ...										
...																
TỔNG CỘNG																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên)

TM. BAN DÂN TỘC TỈNH
(Ghi rõ họ, tên, ký, đóng dấu)

- Ghi chú:**
- Cột (6), (14): Ghi cụ thể dân tộc
 - Cột (7), (15): Ghi cụ thể thành phần NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng dòng họ, trưởng thôn,...
 - Cột (8), (16): Ghi cụ thể nơi cư trú ở thôn, bản và tương đương.
 - Cột (9): Ghi cụ thể lý do đưa ra khỏi danh sách NCUT;
 - Cột (17): Ghi cụ thể NCUT được thay thế hay bổ sung mới.

Biểu 02

(Kèm theo Công văn số 285 /UBND-DTTS ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Dân tộc)

**UBND TỈNH....
BAN DÂN TỘC**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM....**

(Kèm theo Báo cáo/.... ngày tháng năm của)

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm						Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác			Ghi chú		
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác			Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức hoạt động	Số cuộc		Số NCUT	Cấp tổ chức
									Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	Huyện A																					
2	Huyện B																					
.....																						
Cộng toàn tỉnh																						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. BAN DÂN TỘC
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột: (6), (9), (16), (22): Ghi cụ thể cấp tổ chức (cấp Trung ương ghi TW; cấp tỉnh ghi T; cấp huyện ghi H).
- Cột (17): Ghi rõ tên báo, tạp chí do Trung ương hoặc địa phương cấp.
- Cột (19): Ghi rõ hình thức cung cấp thông tin.

UBND TỈNH....
BAN DÂN TỘC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ VẬT CHẤT, ĐỘNG VIÊN TINH THẦN VÀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN NĂM

(Kèm theo Báo cáo/ - ... ngày tháng năm ... của...)

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán			Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết của DTTS			Thăm hỏi, hỗ trợ NCUT ốm đau			Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn			Thăm viếng NCUT và thân nhân qua đời			Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác			Khen thưởng NCUT			Ghi chú	
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Hình thức hỗ trợ	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số NCUT	Hình thức khen		Cấp khen
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
1	Huyện A																								
2	Huyện B																								
.....																									
Cộng toàn tỉnh																									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ghi rõ họ, tên và ký)

TM. BAN DÂN TỘC
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các cột (6), (9), (12), (15), (18), (22) và (25): Ghi cụ thể cấp tổ chức, ví dụ do cấp Trung ương tổ chức (ghi TW), cấp tỉnh tổ chức (ghi T), cấp huyện tổ chức (ghi H).
- Các cột từ (19): Ghi rõ hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác (nếu có)
- Cột (24): Ghi rõ hình thức khen thưởng.

Biểu 04*(Kèm theo Công văn số 296/UBND-DTTS ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Dân tộc)***UBND TỈNH....
BAN DÂN TỘC****TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN, QUYẾT ĐỊNH SỐ /2018/QĐ-TT
NGÀY /01/2018 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM
(Kèm theo Báo cáo/... ngày tháng năm của)**

TT	Nội dung thực hiện	Số cuộc	Số người	Kinh phí được giao (triệu đồng)			Kinh phí đã thực hiện so với KH	
				NSDP	NSTW	Tổng	Triệu đồng	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5+6)	(8)	(9)
1	Phổ biến, cung cấp thông tin							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức							
3	Tham quan giao lưu học tập kinh nghiệm							
4	Cấp báo Dân tộc và Phát triển							
5	Cấp báo, tạp chí của địa phương							
6	Hình thức cung cấp thông tin khác							
 (ghi cụ thể)							
7	Thăm hỏi, tặng quà Lễ, Tết							
a	Thăm hỏi, tặng quà Tết nguyên đán							
b	Thăm hỏi, tặng quà Tết của DTTS							
8	Thăm hỏi NCUT ốm đau							
9	Thăm hỏi gia đình NCUT gặp khó khăn							
10	Thăm viếng NCUT, thân nhân NCUT							
11	Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác (ghi cụ thể)							
12	Khen thưởng							
13	Hoạt động khác (ghi cụ thể)							
14	Quản lý, thực hiện chính sách							
	Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
*(Ghi rõ họ, tên và ký)***TM. BAN DÂN TỘC**
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

09844983

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn